TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 570/2025/DS-PT
Ngày: 05-9-2025
"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Thị Phúc

Các Thẩm phán: Ông Huỳnh Hữu Nghĩa

Bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Ôn Tú Trân – Thư ký Tòa án nhân dân Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Phạm Khánh – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 8 và ngày 05 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 290/2025/TLPT-DS ngày 04 tháng 8 năm 2025, về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 63/2025/DS-ST ngày 28 tháng 4 năm 2025 của Tòa án nhân dân thành phố Tân An, tỉnh Long An (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 1 - Tây Ninh) bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 498/2025/QĐ-PT ngày 07 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Tuyết N, sinh năm 1972;

Địa chỉ: Số F N, Phường C, thành phố T, tỉnh Long An (nay là phường L, tỉnh Tây Ninh).

Người đại diện theo uỷ quyền của bà N: Ông Bùi Duy T, sinh năm 1978;

Địa chỉ: Số D T, Phường C, thành phố T, tỉnh Long An (nay là khu phố B, phường L, tỉnh Tây Ninh)

2. Bị đơn: Bà Trần Thị Tố Q, sinh năm 1972;

Địa chỉ: Số C Quốc lộ F, Phường B, thành phố T, tỉnh Long An (nay là phường L, tỉnh Tây Ninh).

Người đại diện theo uỷ quyền của bà Q: Ông Nguyễn Văn T1, sinh năm 1991;

Địa chỉ: Số E Hồ H, phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường A, Thành phố Hồ Chí Minh)

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Đỗ Thị Thùy H, sinh năm 1975;

Địa chỉ: Số A H, Phường C, thành phố T, tỉnh Long An (nay là phường L, tỉnh Tây Ninh).

Người kháng cáo: Bị đơn bà Trần Thị Tố Q.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn do ông Bùi Duy T đại diện trình bày:

Bà Tuyết N và bà Q là bạn bè. Vào sáng ngày 12/10/2023 bà Q đến nhà bà N hỏi vay số tiền 1 tỷ đồng. Bà N nói có 1.300.000.000đồng trong tài khoản có muốn vay không? Bà Q nói chỉ cần mượn 1.000.000.000đồng, vì số tiền này bà Q mượn cho bà H. Cùng ngày 12/10/2023 bà N chuyển 4 lần vào số tài khoản 0915127495 của bà Trần Thị Tố Q tại Ngân hàng TMCP S, số tiền: lần 1 chuyển 499.999.999đồng; lần 2 chuyển 200.000.000đồng; lần 3 chuyển 499.999.999đồng; lần 4 chuyển 100.000.000đồng, tổng số tiền là 1.300.000.000đồng. Việc vay mượn tiền không có lập giấy tờ, bà N nhiều lần yêu cầu bà Q thanh toán số tiền vay này nhưng bà Q không trả. Ngày 22/8/2024 tại biên bản hoà giải khu phố thể hiện: Bà Nguyễn Thị Tuyết N kiện đòi bà Trần Thị Tố Q trả số tiền 1.000.000.000đồng mà bà N đã cho bà Q mượn vào ngày 12/10/2023 và tiền lãi 83.000.000đồng. Ngày 28/8/2024, bà N nộp đơn khởi kiện yêu cầu bà Q trả cho bà số tiền nợ gốc là 1.000.000.000đồng và tiền lãi theo lãi suất quy định pháp luật là 10%/năm tính từ ngày 01/12/2023 đến ngày 31/8/2024 là 83.000.000đồng, tổng cộng là 1.083.000.000đồng.

Ngày 31/12/2024, bà N có đơn khởi kiện bổ sung, yêu cầu bà Q trả số tiền lãi theo mức lãi suất 20%/năm, cụ thể: 1.000.000.000đồng x 20%/năm x 14 tháng (ngày 01/11/2023 đến ngày nộp đơn 30/12/2024) = 232.400.000đồng.

Ngày 24/3/2025, bà N có đơn khởi kiện bổ sung yêu cầu bà Q trả số tiền gốc là 1.300.000.000đồng, không yêu cầu tính lãi.

Bị đơn do ông Nguyễn Văn T1 đại diện trình bày:

Bà Q không có vay mượn tiền của bà N, số tài khoản 0915127495 là của bà Trần Thị Tố Q mở tại Ngân hàng TMCP S. Vào ngày 12/10/2023 bà N có chuyển vào tài khoản của bà Q tổng số tiền 1.300.000.000đồng, đây là tiền bà Đỗ Thị Thùy H vay của bà N, do bà N không biết số tài khoản của bà H nên đã chuyển vào tài khoản của bà Q, bà Q đã chuyển vào tài khoản cho bà H số tiền 1.300.000.000đồng. Việc trả lãi của số tiền này do bà H trực tiếp trả cho bà N. Bà Q không đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà N.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Đỗ Thị Thùy H trình bày: Theo nội dung bản tự khai thì bà H thừa nhận ngày 12/10/2023 có hỏi mượn tiền của bà Q số tiền 1 tỷ đồng, thời hạn 03 ngày. Bà Q hẹn 10 giờ sẽ chuyển khoản cho bà H, lúc 9 giờ bà N đến nhà bà H nói bà Q mượn bà N một tỷ đồng để cho bà H mượn, bà N có 1.300.000.000đồng có lấy hết không, bà H đồng ý. Sau 10giờ sáng bà Q chuyển vào tài khoản bà H mượn 1.300.000.000đồng. Đến hạn 03 ngày bà H không có tiền trả, bà Q chốt tiền lãi 0,4%/ngày x 28 ngày, bà H đã chuyển 64.000.000đồng cho bà Q. Bà Q kêu số tiền 1.300.000.000đồng bà H tự trả cho bà N thời hạn 03 tháng với lãi suất 0,2%ngày. Từ ngày 10/11/2023 đến ngày 01/4/2024 bà H trả cho bà N 100.000.000đồng tiền gốc và 504.000.000đồng tiền lãi.

Tại phiên tòa ông Bùi Duy T đại diện cho bà N yêu cầu bà Q có nghĩa vụ thanh toán cho bà N số tiền mà bà N đã chuyển vào tài khoản của bà Q vào ngày 12/10/2023 là 1.300.000.000đồng, ông rút lại yêu cầu buộc bà Q thanh toán số tiền lãi là 232.400.000đồng.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 63/2025/DS-ST ngày 28 tháng 4 năm 2025 của Tòa án nhân dân thành phố Tân An, tỉnh Long An (nay là Tòa án nhân dân khu vực 1 - Tây Ninh) đã tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Tuyết N;

Buộc bà Trần Thị Tố Q có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị Tuyết N số tiền 1.300.000.000đồng (một tỷ ba trăm triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng thời gian chưa thi hành án.

2. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Tuyết N buộc bà Trần Thị Tố Q trả số tiền lãi 232.400.000đồng.

3. Về án phí: Bà Trần Thị Tố Q phải chịu 51.000.000đồng án phí dân sự sơ thẩm.

H1 lại cho bà Nguyễn Thị Tuyết N số tiền tạm ứng án phí đã nộp 35.555.000đồng đã nộp theo biên lai thu số 0000780 ngày 04/10/2024, 0001212 ngày 31/12/2024, 0001478 ngày 25/3/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tân An, tỉnh Long An.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo và hướng dẫn thi hành án.

Ngày 06 tháng 5 năm 2025, bị đơn Trần Thị Tố Q kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng bác toàn bộ yêu cầu kháng cáo của bà N.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Phần tranh luận:

Người đại diện theo ủy quyền của bà Q trình bày: Bà Q không có nhu cầu và cũng không vay tiền của bà N, số tiền 1,3 tỷ đồng bà N chuyển khoản cho bà Q là nhờ bà Q chuyển khoản cho bà H, thực tế bà N cho bà H vay 1,3 tỷ đồng nhưng bà N không có số tài khoản của bà H nên bà N chuyển vào tài khoản của bà Q số tiền 1,3 tỷ đồng và nhờ bà Q chuyển khoản lại cho bà H số tiền này. Vì vậy, ngày 30/11/2023 bà H đã viết biên nhận có mượn của bà N số tiền 1.300.000.000đồng và hẹn đến ngày 20/12/2023 trả bớt 650.000.000đồng, lãi suất 6%/tháng, 10 ngày gửi lãi (1 tỷ 300 triệu này là trong phần tổng nợ tôi có nhận bên chị Q chưa trừ ra). Phần cuối của giấy biên nhận này có chữ ký xác nhận của bà N. Như vậy, bà H là người vay tiền của bà N và bà H đã có chứng cứ chứng minh bà H chuyển khoản trả tiền lãi, tiền gốc cho bà N đối với số tiền gốc 1.300.000.000 đồng. Bà N cho rằng bà H trả tiền gốc và lãi cho N là trả cho khoản vay khác, tuy nhiên bà N chỉ cho bà H vay số tiền 4.200.000.000đồng vào ngày 01/3/2024 (sau ngày bà H trả gốc và lãi của số tiền 1,3 tỷ đồng). Bà Q không

vay tiền của bà N. Do đó, đề nghị chấp nhận kháng cáo của bà Q sửa bản án sơ thẩm, bác yêu cầu khởi kiện của bà N về việc yêu cầu bà Q phải trả số tiền 1.300.000.000đồng.

Người đại diện theo ủy quyền của bà N trình bày: Biên nhận ngày 30/11/2023 bà N có ký tên với tư cách là xác nhận lời nói của bà H chứ không xác nhận việc chuyển giao nghĩa vụ trả nợ từ Q sang bà H. Bà Q cho rằng bà N chuyển khoản cho bà Q để nhờ bà Q chuyển khoản cho bà H là không có căn cứ vì bà H có tài khoản riêng. Số tiền bà H chuyển khoản trả lãi và gốc cho bà N theo bản sao kê do bà H cung cấp là để trả cho khoản nợ khác giữa bà H với bà N chứ không phải trả cho số tiền vay 1.300.000.000đồng mà bà N đã chuyển khoản cho bà Q. Bà N chỉ cho bà Q vay còn việc bà Q cho bà H vay lại là quan hệ khác giữa bà Q với và H. Do đó, đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bà Q.

Bà H trình bày: Ngày 12/10/2023 bà H có hỏi vay bà Q vay 1 tỷ đồng nhưng bà Q không có tiền, bà Q có chỉ cho H biết là bà N có cho vay, do đó bà H và bà N có gặp nhau tại nhà bà H, bà N nói bà N có 1 tỷ 300 triệu đồng, hỏi và H có muốn vay hết không, bà H trả lời chỉ cần 1 tỷ thôi, nhưng nếu bà N có 1,3 tỷ đồng thì bà H vay luôn. Sau đó thì trong tài khoản của bà H nhận được số tiền 1,3 tỷ đồng từ tài khoản của bà Q chuyển cho bà (do bà N không có số tài khoản của bà). Sau khi vay thì bà H có trả tiền lãi cho bà N hơn 300.000.000đồng tiền lãi và 100.000.000đồng tiền gốc vào ngày 22/12/2023, việc bà trả tiền lãi và tiền gốc cho bà N là thông qua việc chuyển khoản vào tài khoản của bà N. Đến ngày 30/11/2023 bà H có viết biên nhận còn nợ bà N có nội dung: "Tôi có mượn của bà N số tiền 1.300.000.000đồng và hẹn đến ngày 20/12/2023 trả bớt 650.000.000đồng, lãi suất 6%/tháng, 10 ngày gửi lãi (1 tỷ 300 triệu này là trong phần tổng nợ tôi có nhận bên chị Q chưa trừ ra)". Phần cuối của giấy biên nhận này bà N có ghi dòng chữ "xác nhận lời nói của H" và bà N có ký tên ghi họ tên. Bà N cho rằng số tiền tôi chuyển khoản trả lãi và gốc cho bà H là để trả cho khoản vay khác, nhưng tôi chỉ vay số tiền 4,2 tỷ đồng vào ngày 01/3/2024 nên bà N cho rằng trả lãi cho khoản vay khác là không đúng. Giữa tôi và bà Q có khoản vay khác, tôi nợ bà Q hơn 10 tỷ đồng nên tôi có viết trong biên nhận là "1 tỷ 300 triệu này là trong phần tổng nợ tôi có nhận bên chị Q chưa trừ ra" để sau này dễ giải quyết nợ với bà Q. Thực tế, số tiền 1.300.000.000đồng bà H vay của bà N chứ không phải bà Q vay của bà N, do đó bà N khởi kiện yêu cầu bà Q trả 1.300.000.000đồng bà H không đồng ý.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Về chấp hành pháp luật: Đơn kháng cáo của bà Q trong thời hạn quy định của pháp luật nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng những quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự , những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án:

Căn cứ theo các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án có cơ sở xác định có sự việc vào ngày 12/10/2023 bà Đỗ Thị Thùy H hỏi vay tiền của bà Trần Thị Tố Q 1.000.000.000đồng, nhưng bà Q không có tiền nên đã hỏi mượn của bà Nguyễn Thị Tuyết N 1.000.000.000đồng để cho bà H vay. Bà N có 1.300.000.000đồng và bà N có hỏi bà H đồng ý vay thêm 300.000.000 đồng không, bà H đồng ý nên bà N đã chuyển

khoản vào số tài khoản 0915127495 của bà Q tại Ngân hàng TMCP S 04 lần trong ngày 12/10/2023 với tổng số tiền 1.300.000.000đồng nội dung là "*Nguyễn Thị Tuyết N chuyển khoản Trần Thị Tố Q"*. Cùng ngày 12/10/2023 bà Q chuyển vào số tài khoản của bà H 04 lần với tổng số tiền 1.300.000.000đồng, nội dung "*Trần Thị Tố Q cho Đỗ Thị Thùy H mượn tiền N"*. Giữa các bên không có lập giấy tờ xác nhận hợp đồng vay tài sản, không ghi số tiền lãi và thời hạn thanh toán. Theo quy định tại Điều 469 Bộ luật Dân sự năm 2015 thì đây là hợp đồng vay không có thời hạn và không có lãi suất.

Xét về nghĩa vụ trả nợ số tiền vay 1.300.000.000đồng vào ngày 12/10/2023:

Tại Biên bản lấy lời khai của Tòa án nhân dân thành phố Tân An ngày 16/12/2024 (bút lục 99-101), bà Nguyễn Thị Tuyết N trình bày: Từ ngày bà Q hỏi vay 1.000.000.000đồng cho bà H vay lại thì bà Q không có trả lãi, bà H trả lãi cho bà N thông qua tài khoản của bà N tính từ ngày 12/10/2023 đến ngày 31/10/2023 là 52.000.000đồng, từ 01/11/2023 đến ngày 30/5/2024 là 460.736.000đồng, tổng cộng 512.736.000đồng.

Tại Biên nhận ghi ngày 30/11/2023 (bút lục số 79) do bà H viết thể hiện nội dung: *"Tôi có mượn của chị N số tiền 1.300.000.000đ, hẹn 20/12/2023 trả hết 650.000.000đ, lãi suất 6%/tháng, 10 ngày gửi lãi"*, có chữ ký ghi họ tên của bà Đỗ Thị Thùy H, dưới tên bà H ghi *"1 tỷ 300 này là trong phần tổng nợ tôi có nhận bên chị Q chưa trừ ra"*. Ở dưới Biên nhận bà N có ghi *"Xác nhận lời nói của H, và bà N có ký tên và ghi họ tên Nguyễn Thị Tuyết N"*.

Bà N cho rằng, Biên nhận ghi ngày 30/11/2023 số tiền 1.300.000.000đồng là giao dịch khác giữa bà N với bà H, không liên quan đến số tiền bà chuyển cho bà Q để cho bà H vay ngày 12/10/2023. Tuy nhiên, bà N không cung cấp được chứng cứ chứng minh vào thời điểm năm 2023 bà có trực tiếp cho bà H vay số tiền 1.300.000.000đồng. Trong khi đó, theo Biên nhận mượn tiền ghi ngày 01/3/2024 (bút lục 65) thể hiện bà N có cho bà H vay số tiền 4.200.000.000đồng.

Như vậy, có cơ sở xác định bà N đã đồng ý bà H là người có nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi đối với số tiền vay 1.300.000.000đồng mà bà đã chuyển khoản cho bà Q vào ngày 12/10/2023, phù hợp với quy định tại Điều 370 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Từ những căn cứ nêu trên, kháng cáo của bà Trần Thị Tố Q có cơ sở chấp nhận. Đề nghị căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, sửa Bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà N về việc buộc bà Q trả nợ số tiền vay 1.300.000.000đồng vào ngày 12/10/2023.

Bà N có quyền khởi kiện bà H trả nợ số tiền vay 1.300.000.000đồng vào ngày 12/10/2023 trong vụ án khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của bà Q trong thời hạn luật định nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về giải quyết yêu cầu kháng cáo của bà Q, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng bác yêu cầu khởi kiện của bà N về việc đòi bà Q phải trả số tiền 1.300.000.000đồng. Xét thấy:

[2.1] Căn cứ vào biên bản đối chất, biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải ngày 13/12/2024, biên bản lấy lời khai ngày 16/12/2024, biên bản lấy lời khai ngày 30/12/2024 (bút lục 99 đến 101, bút lục 103 đến 107) có căn cứ xác định sự việc như sau: Ngày 12/10/2023 bà H hỏi vay của bà Q số tiền 1.000.000.000đồng, nhưng bà Q không có tiền nên đã hỏi mượn của bà Nguyễn Thị Tuyết N 1.000.000.000đồng để cho bà H vay. Bà N có 1.300.000.000đồng và bà N có hỏi bà H đồng ý vay thêm 300.000.000đồng không, bà H đồng ý nên bà N đã chuyển khoản vào số tài khoản 0915127495 của bà Q tại Ngân hàng TMCP S 04 lần trong ngày 12/10/2023 với tổng số tiền 1.300.000.000đồng, nội dung chuyển khoản bà N ghi "*Nguyễn Thị Tuyết N chuyển khoản Trần Thị Tố Q"*. Cùng ngày 12/10/2023 bà Q chuyển vào số tài khoản của bà H 04 lần với tổng số tiền 1.300.000.000đồng, nội dung chuyển khoản bà Q ghi "*Trần Thị Tố Q cho Đỗ Thị Thùy H mượn tiền N"*. Việc vay tiền của các bên không có lập giấy vay hoặc hợp đồng vay và cũng không thể hiện mức lãi suất vay và thời hạn cho vay. Như vậy, có cơ sở xác định đây là hợp đồng vay không có thời hạn và không có lãi suất theo quy định tại Điều 469 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[2.2] Sau khi vay tiền thì bà H là người trực tiếp trả tiền lãi cho bà N thông qua hình thức chuyển khoản cho bà N. Tại biên bản lấy lời khai ngày 16/12/2024 (bút lục 99 đến 101) bà N trình bày "*từ ngày bà Q hỏi vay 1.000.000.000đồng cho bà H vay lại thì bà Q không có trả lãi, bà H trả lãi cho bà N thông qua tài khoản của bà N tính từ ngày 12/10/2023 đến ngày 31/10/2023 là 52.000.000đồng, từ 01/11/2023 đến ngày 30/5/2024 là 460.736.000đồng, tổng cộng 512.736.000đồng*".

[2.3] Mặt khác, tại Biên nhận ghi ngày 30/11/2023 (bút lục số 79) do bà H viết có nội dung: *"Tôi có mượn của chị N số tiền 1.300.000.000đ, hẹn 20/12/2023 trả hết 650.000.000đ, lãi suất 6%/tháng, 10 ngày gửi lãi"*, biên nhận có chữ ký và ghi họ tên của bà Đỗ Thị Thùy H, bên dưới dòng chữ ký và ghi họ tên của bà H, bà H có ghi *"1 tỷ 300 này là trong phần tổng nợ tôi có nhận bên chị Q chưa trừ ra"*. Bên dưới dòng chữ này có dòng chữ: "*Xác nhận lời nói của H, có ký tên và ghi họ tên Nguyễn Thị Tuyết N"*. Quá trình giải quyết vụ án bà N thừa nhận dòng chữ "*Xác nhận lời nói của H, có ký tên và ghi họ tên Nguyễn Thị Tuyết N"* là chữ viết và chữ ký của bà N. Bà N và người đại diện theo ủy quyền của bà N trình bày chỉ thừa nhận lời nói của bà H trong nội dung giấy biên nhận ngày 30/11/2023, nhưng không thừa nhận việc bà H sẽ trả nợ thay cho bà Q.

[2.4] Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của bà N cho rằng, số tiền 1.300.000.000đồng bà H ghi trong "Biên nhận ghi ngày 30/11/2023" là giao dịch khác giữa bà N với bà H không liên quan đến số tiền bà N chuyển khoản cho bà Q để cho bà H vay vào ngày 12/10/2023. Đồng thời người đại diện theo ủy quyền của bà N cho rằng số tiền bà H trả lãi cho bà N thông qua tài khoản của bà N tính từ ngày 12/10/2023 đến ngày 31/10/2023 là 52.000.000đồng, từ 01/11/2023 đến ngày 30/5/2024 là 460.736.000đồng, tổng cộng 512.736.000đồng là trả tiền lãi của số tiền vay khác giữa bà N với bà H không liên quan đến số tiền 1.300.000.000đồng vay vào ngày 12/10/2023. Tuy nhiên, bà N và người đại diện theo ủy quyền của bà N không cung cấp được chứng cứ chứng minh vào thời điểm năm 2023 bà N có cho bà H vay số tiền nào khác ngoài số tiền 1.300.000.000đồng vay ngày 12/10/2023. Mặt khác, theo Biên nhận mượn tiền ghi ngày 01/3/2024 (bút lục 65) thể hiện bà N có cho bà H vay số tiền

4.200.000.000đồng - sau khi bà H viết giấy biên nhận ngày 30/11/2023. Do đó, bà N cho rằng số tiền lãi bà H trả cho N là khoản vay khác là không có cơ sở.

[2.6] Điều 370 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định *"Bên có nghĩa vụ có thể chuyển giao nghĩa vụ cho người thế nghĩa vụ nếu được bên có quyền đồng ý, trừ trường hợp nghĩa vụ gắn liền với nhân thân của bên có nghĩa vụ hoặc pháp luật có quy định không được chuyển giao nghĩa vụ. Khi được chuyển giao nghĩa vụ thì người thế nghĩa vụ trở thành bên có nghĩa vụ."*.

[2.7] Như vậy, có cơ sở xác định bà N đã đồng ý bà H là người có nghĩa vụ trả nợ gốc và nợ lãi đối với số tiền vay 1.300.000.000đồng mà bà N đã chuyển khoản cho bà Q vào ngày 12/10/2023. Trong vụ án này bà N không có yêu cầu đối với bà H, bà H cũng không có yêu cầu gì đối với bà N. Do đó, giao dịch giữa bà N và bà H đối với số tiền vay 1.300.000.000đồng vào ngày 12/10/2023 sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

Các phần khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

[2.8] Từ những nhận định, phân tích và chứng cứ nêu trên có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Q, chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên sửa một phần bản án sơ thẩm.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của bà N không được chấp nhận nên bà N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo của bà Q được chấp nhận nên bà Q không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Hoàn trả cho bà Q tạm ứng án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Chấp nhận kháng cáo của bà Trần Thị Tố Q.

Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 63/2025/DS-ST ngày 28 tháng 4 năm 2025 của Tòa án nhân dân thành phố Tân An, tỉnh Long An (nay là Tòa án nhân dân khu vực 1-Tây Ninh)

Căn cứ vào các điều 26, 35, 39, 147, 148, 271, 273, 293 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các điều 463, 466, 469, 370 của Bộ luật Dân sự năm 2015; các điều 26, 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Tuyết N về việc yêu cầu bà Trần Thị Tố Q phải trả số tiền 1.300.000.000đồng.

2. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Tuyết N về việc yêu cầu bà Trần Thị Tố Q trả số tiền lãi 232.400.000đồng.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Tuyết N phải chịu 51.000.000đồng án phí dân sự sơ thẩm. Khấu trừ số tiền tạm ứng án phí bà N đã nộp là 35.555.000đồng theo biên lai thu số 0000780 ngày 04/10/2024, biên lai thu số 0001212 ngày 31/12/2024 và biên lai thu số 0001478 ngày 25/3/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tân An, tỉnh Long An sang án phí, bà Nguyễn Thị Tuyết N phải nộp tiếp số tiền là 15.445.000đồng.

5. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Trần Thị Tố Q không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, hoàn trả cho bà Q 300.000đồng tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0000088 ngày 08/5/2025 của chi Cục thi hành án dân sự thành phố Tân An tỉnh Long An.

6. Về hướng dẫn thi hành án: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

7. Về hiệu lực của bản án: Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Tòa phúc thẩm TANDTC tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- TAND Khu vực 1 –Tây Ninh;
- THADS tỉnh Tây Ninh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trịnh Thị Phúc